

MÔ HÌNH NHÂN CÁCH NGƯỜI GIÁO VIÊN TIẾNG ANH TIỂU HỌC

ThS. LÊ THỊ THANH THỦY

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Thực tiễn giáo dục cho chúng ta thấy, một trong những nhân tố đóng vai trò quyết định đối với việc đảm bảo chất lượng giáo dục chính là đội ngũ giáo viên (ĐNGV). Sản phẩm lao động của người thầy là nhân cách học sinh (HS) do những yêu cầu khách quan của xã hội quy định.

Năm 2008, Đề án dạy học Ngoại ngữ Quốc gia 2020 ra đời, tiếng Anh trở thành môn học bắt buộc trong các nhà trường tiểu học. Nguồn nhân lực mới trong giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) hình thành, chính là ĐNGV dạy tiếng Anh tiểu học. Trong bối cảnh đó, giáo viên (GV) tiếng Anh tiểu học phải đáp ứng những tiêu chuẩn do xã hội đặt ra và do những nhu cầu đổi mới tự thân của GD&ĐT và dạy học tiếng Anh tiểu học. Như vậy, xây dựng mô hình nhân cách cho GV tiếng Anh tiểu học là cần thiết và tất yếu. Trong khuôn khổ bài viết này, từ các quan điểm về nhân cách của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, chúng tôi đề xuất mô hình nhân cách GV tiếng Anh tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông (GDPT) sau 2015.

1. Các quan điểm về mô hình nhân cách giáo viên trong bối cảnh hiện nay

K.D.Usinxki cho rằng "Trong giáo dục, tất cả phải dựa vào nhân cách người giáo dục bởi vì sức mạnh của giáo dục chỉ bắt nguồn từ nhân cách của con người mà không có một điều lệ, một chương trình, một cơ quan giáo dục nào... có thể thay thế. Không một quyển sách giáo khoa, một lời khuyên răn nào, một hình phạt, một sự khen thưởng nào có thể thay thế được ảnh hưởng của cá nhân người thầy giáo đối với HS" (K.D.Usinxki). Ông khẳng định rằng "Dùng nhân cách để tác thành nhân cách" (K.D. Usinxki) là một trong những con đường giáo dục hiệu quả nhất.

Còn Glenn M., Mary Jo Blahna (2005), khi nghiên cứu về mô hình nhân cách người lao động ông xác định được xây dựng dựa trên năng lực bao gồm ba thành tố cấu trúc cơ bản: Kiến thức, kĩ năng, thái độ [9].

Ở Việt Nam, việc xây dựng mô hình nhân cách con người Việt Nam trong thời đại mới nói chung, GV nói riêng đã được các nhà nghiên cứu rất quan tâm.

Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006) cho rằng, nhân cách con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa phải là nhân cách của con người công nghiệp với các năng lực: Năng lực hành nghề, năng lực xã hội, năng lực thích ứng, năng lực tạo lập doanh nghiệp, năng lực tự phát triển.

Theo Nguyễn Ngọc Bảo, Bùi Văn Quân (2006), nhân cách là toàn bộ những thuộc tính đặc biệt mà

cá nhân có trong hệ thống các quan hệ xã hội trên cơ sở hoạt động và giao lưu nhằm chiếm lĩnh các giá trị văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Những thuộc tính đó là các thuộc tính về trí tuệ, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ và lao động [6].

GV được Nguyễn Hữu Châu (2008) cụ thể hóa theo đặc thù nghề nghiệp là: "Có hai yếu tố quan trọng nhất quyết định sự thành công của người thầy là con người và đặc thù nghề nghiệp".

Lê Thanh Hương (2010), nhân cách GV là một dạng nhân cách mang tính tổng hợp và toàn diện. Tổng hợp vì nhân cách này được tạo nên từ hàng loạt các mối quan hệ kinh tế - xã hội. Toàn diện vì phải chứa đựng những thành quả của hoạt động thực tiễn vật chất và các giá trị tinh thần của sự phát triển xã hội [7].

Những nghiên cứu trên đều có cùng chung một quan điểm là xây dựng mô hình nhân cách con người Việt Nam trong thời đại mới. Điều đó cũng được Đảng và Nhà nước xem như là một trong những yếu tố cốt lõi để đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Cương lĩnh đất nước trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011), Đảng ta xác định:

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có trí thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường rèn luyện phong cách làm việc có kỉ luật, có kĩ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, bồi đắp tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hoá Việt Nam.

Chỉ thị số 40 CT/TW về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống, lương tâm, tay nghề của nhà giáo.

Một trong các giải pháp để thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển GD&ĐT giai đoạn 2011 - 2020 là: Chuẩn hóa trong đào tạo, tuyển chọn, sử dụng và đánh giá nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. *Chú trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo để làm gương cho HS, sinh viên.*

Như vậy, mặc dù còn tồn tại các điểm khác nhau, nhưng các quan điểm đều thống nhất 5 yếu tố cơ bản trong mô hình nhân cách của con người Việt Nam trong thời đại mới, bao gồm: 1) Là con người nhân văn - xã hội; 2) Là con người công nghệ; 3) Là con người năng động, thích nghi cao; 4) Là con người có đủ sức khỏe, thể lực; 5) Là con người sáng tạo. Mô hình nhân cách của GV nói chung, GV tiếng Anh tiểu học nói riêng được xác định có cùng chung cấu trúc với mô hình nhân cách con người Việt Nam trong thời đại mới với hai yếu tố: Phẩm chất và năng lực. Tuy nhiên, sẽ có những nét riêng biệt vì những đặc thù của của GV dạy tiếng Anh ở bậc Tiểu học.

2. Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên tiếng Anh tiểu học

GV tiếng Anh tiểu học được xác định bởi nghề sư phạm - là GV dạy tiếng Anh tại các trường tiểu học. Vì vậy, có những đặc điểm lao động sư phạm của GV nói chung nhưng lại có những đặc điểm tâm lý nghề nghiệp đặc thù, những hoạt động sư phạm mang tính riêng biệt.

Lao động sư phạm của GV tiếng Anh tiểu học được diễn ra trong môi trường giáo dục tại các trường tiểu học. Đối tượng người học của GV tiếng Anh tiểu học là HS lứa tuổi tiểu học từ (6 - 11 tuổi). Tuy nhiên, theo quy định của Bộ GD&ĐT, môn tiếng Anh là môn học bắt buộc trong chương trình GDPT bắt đầu từ lớp 3 và được khuyến khích làm quen - với tư cách là môn tự chọn từ lớp 1. Như vậy, GV phải làm việc với 2 đối tượng người học, 2 loại chương trình và sách giáo khoa. Đối với HS lớp 1,2, các em vừa chuyển từ môi trường mẫu giáo - với đặc điểm "*học mà chơi, chơi mà học*" trong đó hoạt động "*chơi*" là chủ yếu sang môi trường tiểu học, trong đó hoạt động "*học*" là chủ yếu. Đối với môn tiếng Anh, HS tiểu học lần đầu được tiếp cận, các em hoàn toàn chưa có một chút kinh nghiệm hay *vốn liếng* gì về môn học. Điều đó đòi hỏi GV tiếng Anh tiểu học phải thực sự có những phẩm chất, năng lực riêng biệt phù hợp với đối tượng dạy học của mình. Đó là:

- Có khả năng giảng dạy được cả lý thuyết và thực hành với 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết). Ứng dụng được các phương tiện giảng dạy hiện đại và phương pháp dạy học tích cực. Đặc biệt, đòi hỏi có những kỹ năng đặc thù trong dạy tiếng Anh ở bậc Tiểu học: Đối tượng trẻ vừa làm quen với tiếng Anh nên ngoài việc dạy, GV phải định hướng, hình thành và phát triển kỹ năng học tiếng Anh cho trẻ;

- Tham gia các hoạt động nghiên cứu để phát triển chương trình nhà trường, học liệu; cập nhật và đổi mới nội dung và phương pháp dạy học.v.v... đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện dạy ngoại ngữ nói riêng và đổi mới GDPT sau 2015 nói chung;

- Luôn đòi hỏi phải được bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp;

- Có kỹ năng và giáo dục HS (có thể ở vai trò là GV chủ nhiệm lớp). Theo James H. Strong trong cuốn "Những phẩm chất của người GV hiệu quả" thì việc quản lý HS không chỉ đơn thuần là việc giải quyết các vấn đề trật tự lớp học mà GV phải có sự liên kết chặt chẽ với môi trường giáo dục bên ngoài nhà trường (gia đình và xã hội) để thực hiện giáo dục HS. GV có đủ phẩm chất để trở thành tấm gương cho HS và thuyết phục HS bằng chính bản thân mình.

Phải là một nhà tâm lý: Đặc thù của dạy học ngoại ngữ có hiệu quả phụ thuộc vào động lực học tập của người học. Mà theo Ellis (1996) cho rằng động lực học tập tiếng Anh của HS Việt Nam được hình thành chủ yếu do phương pháp giảng dạy của người thầy và kết quả thi tốt. Còn theo Lê Văn Canh, trong Đề tài nghiên cứu "Những vướng mắc trong nâng cao chất lượng dạy tiếng Anh ở trường phổ thông và các giải pháp", khi tổng hợp nghiên cứu của các nhà nghiên cứu Guay (2000), Hardre (2003), Deci & Ryan (2002)... cho rằng động lực của người học chịu ảnh hưởng nhiều yếu tố: Môi trường học tập (trong và ngoài nhà trường, GV, chất lượng giảng dạy của GV cũng như kết quả học tập của HS). Vì vậy, để tạo được động lực cho người học, GV cần "xây dựng mối quan hệ thân thiện và tôn trọng lẫn nhau với người học" theo Kabilan (2000). Để có được mối quan hệ đó, GV cần phải hiểu được tâm lý lứa tuổi; hiểu được sở trường, sở đoản, mục đích học tập, những khó khăn trong học tập của người học. Bên cạnh đó, GV phải hiểu được người học mong đợi gì ở họ để từ đó tạo một mối quan hệ trên cơ sở niềm tin dạy gì, học gì đạt hiệu quả cao nhất;

- Phải có thói quen hợp tác, liên kết: GV phải xác định được tầm quan trọng và biết kết nối việc tự học của mình với đồng nghiệp trong và ngoài trường, với HS lớp mình hoặc các lớp khác. Từ đó, tạo môi trường sinh hoạt chuyên môn không chỉ trong mà còn ngoài trường.

Những đặc điểm trên vừa mang đặc điểm chung của lao động sư phạm vừa mang đặc điểm riêng lao động của GV dạy tiếng Anh ở bậc Tiểu học.

3. Mô hình nhân cách giáo viên tiếng Anh tiểu học

Nói đến nhân cách là nói đến tổng thể những phẩm chất và năng lực tạo nên bản sắc - nét đặc trưng và giá trị tinh thần - giá trị làm người, của mỗi người. Như vậy, xét trên bình diện xã hội, GV tiếng Anh tiểu học là một *cá nhân* trong xã hội, trước hết là một công

dân mẫu mực. Họ phải có nhân cách của người lao động sáng tạo, năng động, có tay nghề, có tâm hồn... không phải là con người sống cốt cân bằng với ngoại giới hay chỉ thích nghi với xã hội. Nhưng con người với tư cách là một nhân cách vừa là chủ thể, vừa là sản phẩm của hoạt động trong những quá trình biến đổi xã hội [8]. Vậy, nhân cách của GV tiếng Anh tiểu học phải đủ tầm để làm chủ quá trình giáo dục (tạo ra "nhân cách - nền tảng của dân trí, nhân lực, nhân tài), nó phải có những yêu cầu cao hơn, khác biệt hơn với nhân cách một người bình thường khác. Đối tượng của GV tiếng Anh tiểu học là trẻ nhỏ (lứa tuổi tiểu học), còn rất non nớt, nhạy cảm với mọi tác động bên ngoài, song đây cũng là giai đoạn khởi đầu trong quá trình hình thành thái độ, kĩ năng cho việc học ngoại ngữ. Vì vậy, *lao động của GV tiếng Anh tiểu học không chỉ mang chức năng hình thành và phát triển mà còn chức năng định hướng cho HS*. Mọi hoạt động của GV tiếng Anh tiểu học không chỉ khép kín trong trường tiểu học mà GV phải biết dung hoà các mối quan hệ xã hội, đó là sự gắn kết chặt chẽ giữa gia đình, cộng đồng, hoà nhập với sự phát triển văn hoá xã hội ở địa phương tạo môi trường phát triển tiếng Anh bên ngoài nhà trường.

Những nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng, tiêu chuẩn về năng lực chủ yếu của GV được thể hiện qua 4 thành tố: 1) Năng lực chuyên môn; 2) Năng lực tổ chức, quản lí đối tượng; 3) Năng lực chẩn đoán nhu cầu; 4) Năng lực hợp tác, hội nhập bình đẳng. Với GV tiếng Anh phổ thông được cụ thể hóa thành 5 yêu cầu cơ bản về năng lực: 1) Năng lực hiểu biết kiến thức về môn học và chương trình; 2) Năng lực về kiến thức dạy học tiếng Anh; 3) Kiến thức về HS; 4) Giá trị thái độ và nghề nghiệp; (5) Kết nối và rút kinh nghiệm về dạy học tiếng Anh. Có thể mô hình hóa như sau:

Như vậy, mô hình nhân cách GV tiếng Anh tiểu học cũng được xác lập bởi hai yếu tố: Phẩm chất và năng lực, vừa được thống nhất với mô hình nhân cách

chung của GV nhưng với vị trí đặc thù lao động nên yêu cầu từng thành phần cấu trúc nhân cách của GV tiếng Anh tiểu học có những nét riêng biệt, phù hợp với bối cảnh hoạt động lao động trong xu hướng đổi mới GDPT hiện nay và những yêu cầu cần thiết đối với một GV tiếng Anh tiểu học trong thời kì hội nhập.

Từ những luận bàn trên, chúng tôi có thể đưa ra những yêu cầu về phẩm chất, năng lực GV tiếng Anh tiểu học trong bối cảnh đổi mới GDPT sau 2015 như sau:

3.1. Những yêu cầu về phẩm chất

- Phẩm chất nghề nghiệp: Thiết tha, gắn bó với lí tưởng dạy học, có hoài bão tâm huyết với nghề dạy học; có đạo đức nhà giáo, xứng đáng là tấm gương sáng cho trẻ noi theo...;

- Phẩm chất xã hội: Biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; có ý thức tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, phát huy tiềm năng dân tộc và con người Việt Nam; có ý thức phục vụ, hòa hợp và chia sẻ với cộng đồng;

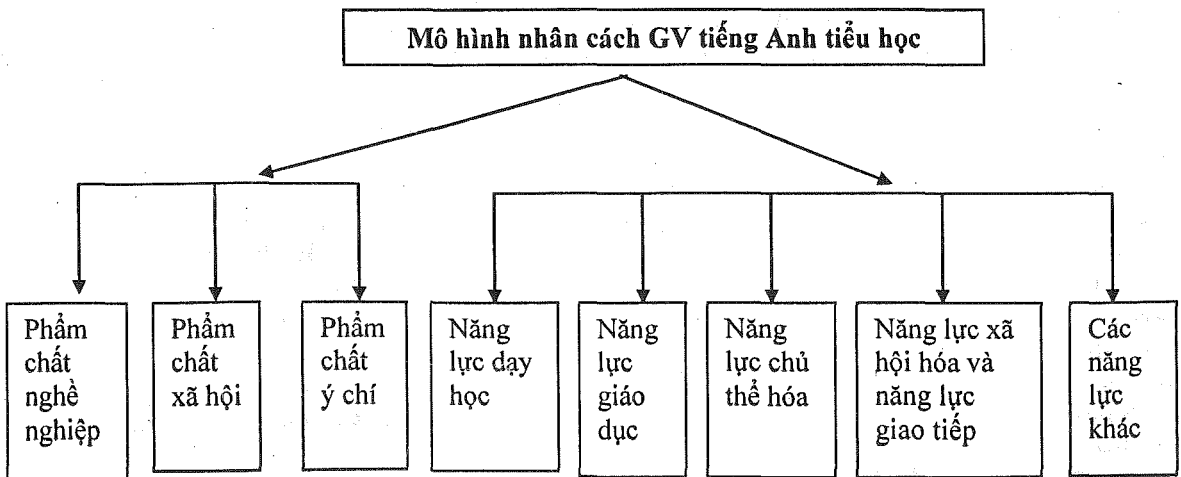
- Phẩm chất về ý chí: Có ý thức kỉ luật; tinh thần phấn đấu và nhiệt huyết; có ý thức tự phát triển bản thân...

3.2. Những yêu cầu về năng lực

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới GDPT nói chung, dạy học Ngoại ngữ nói riêng, trên cơ sở các yêu cầu cơ bản về năng lực GV tiếng Anh phổ thông được quy định tại Công văn số 792/ BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 2 năm 2014 của Bộ GD&ĐT, yêu cầu về năng lực của GV tiếng Anh tiểu học phải hội tụ đủ 5 yếu tố:

- *Năng lực dạy học (năng lực tổ chức hoạt động dạy học môn tiếng Anh ở bậc Tiểu học):* GV tiếng Anh tiểu học cần phải có: (1) Kiến thức về dạy học tiếng Anh (chương trình, nội dung, phương pháp dạy học, thiết kế bài giảng, tổ chức các hoạt động dạy học, đánh giá kết quả học tập, lựa chọn tài liệu, học liệu,

Hình 1: Mô hình nhân cách GV tiếng Anh tiểu học





ứng dụng CNTT); kiến thức về văn hóa các nước sử dụng tiếng Anh; kĩ năng khai thác các tài liệu bằng tiếng Anh; (2) Năng lực quản lí HS (kiến thức về tâm sinh lí lứa tuổi, hiểu biết về đặc điểm phát triển ngôn ngữ, phát triển kinh nghiệm và giá trị văn hóa của người học, phát triển tinh sáng tạo và tư duy phê phán của HS); (3) Năng lực đánh giá: Hiểu và vận dụng khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam vào công tác đánh giá HS, có kĩ năng thiết kế các công cụ đánh giá như ra đề kiểm tra, đề thi..., biết cách thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, biết sử dụng hợp lí kết quả định tính, định lượng;

- *Năng lực giáo dục:* Giáo dục HS bằng chính nhân cách của chính mình, gắn nội dung dạy học với thực tiễn cuộc sống, phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường để giáo dục đạo đức HS...;

- *Năng lực chủ thể hóa:* GV tiếng Anh tiểu học cần phải thể hiện tính chuyên nghiệp trong dạy học tiếng Anh; có tinh thần trách nhiệm cao thể hiện ở chất lượng quá trình dạy học, ý thức học hỏi để không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ và hoàn thiện bản thân; đề cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân đối với nghề dạy học; có tác phong công nghiệp; có tinh thần hợp tác, làm việc theo nhóm để phát triển nghề nghiệp;

- *Năng lực xã hội hóa và năng lực giao tiếp:* Có năng lực tự ứng xử đối với bản thân; có năng lực thích ứng; có năng lực tư duy sáng tạo và tư duy dự báo; có năng lực trao đổi thông tin và thu nhận thông tin; có quan hệ đồng nghiệp và xã hội tích cực, có lợi cho sự hợp tác và phát triển GD&ĐT, có ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng, xã hội; có năng lực thể hiện tính linh hoạt, mềm dẻo trong cuộc sống xã hội; có khả năng vận động nhân dân, các tổ chức xã hội tham gia vào sự nghiệp giáo dục;

- *Các năng lực khác:* Có sức khỏe tốt, có ngoại hình hấp dẫn, lịch sự trong cách ăn mặc, đầu tóc, trang điểm...

Để có được những phẩm chất ấy, đương nhiên là phải vận dụng một hệ giải pháp liên hoàn, trong đó một trong những bước đầu tiên là phải chuẩn hóa đội ngũ. Tức là yêu cầu về số lượng, chất lượng, cơ cấu phải đạt chuẩn hóa:

Về số lượng: Theo khoản 1, Thông tư 28/2009/TT-BGD&ĐT ngày 21/10/2009 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với GV phổ thông là 23 tiết/tuần. Riêng GV năm đầu tiên giảng dạy chương trình tiếng Anh tiểu học theo quy định của Đề án ngoại ngữ 2020 được bố trí dạy không quá 18 tiết/tuần, 5 tiết còn lại dành để học tập nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và làm quen với chương trình mới.

Về chất lượng: Trình độ đào tạo phải từ cao đẳng

sư phạm ngoại ngữ trở lên, hoặc cao đẳng ngoại ngữ trở lên có chứng chỉ sư phạm ngoại ngữ. GV dạy tiếng Anh tiểu học phải đạt được các yêu cầu về năng lực theo quy định của Bộ GD&ĐT; các tiêu chí của chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học.

Về cơ cấu: Xây dựng cơ cấu đội ngũ GV tiếng Anh tiểu học đảm bảo chuẩn hóa về cơ cấu độ tuổi, đó là sự cân đối giữa các thế hệ, để vừa phát huy được kinh nghiệm của những GV có thâm niên công tác, vừa khai thác triệt để sự nhiệt tình, sáng tạo của GV trẻ; chuẩn hóa về cơ cấu xã hội, giới tính, trình độ chính trị...

Trên đây là những yếu tố cấu thành nhân cách GV tiếng Anh tiểu học. Cấu trúc nhân cách của họ không chỉ dừng lại ở những yếu tố này, mà đây là những nét đặc trưng nhất để xác định mô hình nhân cách GV tiếng Anh tiểu học trong bối cảnh đổi mới dạy học ngoại ngữ giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

Có thể nói, mô hình nhân cách mà GV nói chung, GV tiếng Anh tiểu học nói riêng đang hướng tới trong thời kì hội nhập quốc tế là những chuẩn mực về phẩm chất, năng lực. Do đó, mỗi người thầy giáo phải không ngừng rèn đức, luyện tài để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Bên cạnh sự nỗ lực của cá nhân, thì nhà trường, gia đình và xã hội cũng cần phải tạo điều kiện tốt nhất (vật chất lẫn tinh thần) để GV tiếng Anh tiểu học có cơ hội học tập, bồi dưỡng phẩm chất và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Điều lệ trường tiểu học*, Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2010/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/12/2010, Hà Nội.
2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học*, Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 2/01/2008, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGD&ĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Công văn số 792/BGD&ĐT - NGCBQLGD ngày 25/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện yêu cầu cơ bản về năng lực giáo viên tiếng Anh phổ thông*.
5. Nguyễn Ngọc Bảo, Bùi Văn Quân (2006), *Hỏi đáp giáo dục học*, NXB Đại học Sư Phạm.
6. *Đề án dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*.
7. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa*

(Xem tiếp trang 33)